

Bản án số: 134/2021/HS-PT
Ngày: 28 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài

Các Thẩm phán: Ông Vương Hồng Giang
Ông Đặng Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Thái Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 131/2021/HSPT ngày 02 tháng 11 năm 2021 do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 63/2021/HS-ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

* *Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:* **Lê Xuân P**; tên gọi khác: không; sinh ngày 01/02/1958 tại thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố TL, phường Th L, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; con ông Lê Văn T; con bà Nguyễn Thị D, đều đã chết; có vợ là Vũ Thị H, có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2021 đến nay. Hiện tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

* *Bị hại có kháng cáo:* Ông **Trần Văn T1**, sinh năm 1968; trú tại: Xóm N, xã HT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Trong vụ án còn có bị hại bà Dương Thị T2, sinh năm 1982, trú tại: Xóm MC, xã HT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên không kháng cáo Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 12/6/2014, Lê Xuân P đến phụ giúp xây nhà cho bà Tạ Thị D1 tại xóm LD, xã TQ, thị xã (nay là thành phố) SC). Khi tới nơi có ông Trần Văn T1, ông Dương Văn L, ông Dương Văn K và chị Dương Thị T2 (là con gái bà D1) làm việc từ trước. Do P có tình cảm với chị T2 và nghi ngờ giữa chị T2 và ông Trần Văn T1 có quan hệ tình cảm nam nữ nên ghen tức. Khoảng 10 giờ cùng ngày, P một mình điều khiển xe mô tô từ nhà bà D1 đi đến địa phận huyện (nay là thị xã) PY mục đích mua a-xít về để gây thương tích cho ông T1 và chị T2. Khi đến ngã tư PY, P mua 01 chai (loại chai 650ml) chứa a xít của một người P không biết tên tuổi địa chỉ, rồi P mang chai a xít về cất giấu trong bếp nhà bà D1, sau đó tiếp tục phụ giúp xây nhà. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, P cùng với chị T2, bà D1, ông L và ông K ăn cơm trưa, lúc này ông T1 đi ăn cỗ về và đi mắc đường ống nước. Đến khoảng 12 giờ, sau khi ăn cơm xong, bà D1, chị T2 và P đi đến khu vực ông T1 đang mắc đường ống nước, ông T1 hỏi P “*Có nước chảy chưa*”, thì P trả lời “*Có nước rồi*”, sau đó chị T2 đi trước, ông T1 đi sau về hướng cửa bếp để kiểm tra lại đã có nước chảy mạnh hay yếu. Khi chị T2 đến cửa bếp ngó đầu vào trong bếp, ông T1 đứng sau lưng cách chị T2 khoảng 01 mét, thì P bất ngờ dùng tay phải cầm chai thủy tinh chứa a xít hắt vào người chị T2, làm D1 dịch trong chai axít trúng vào mặt và người chị T2, chị T2 kêu cứu và bỏ chạy đến khu vực giếng nước gia đình bà D1, ngay sau khi chị T2 bỏ chạy thì P tiếp tục dùng tay phải hắt D1 dịch axít ở trong chai vào mặt và người ông T1, làm ông T1 bị bỏng, ông T1 kêu cứu và bỏ chạy, thấy ông T1 bỏ chạy, P tiếp tục hắt D1 dịch a xít vào phía lưng ông T1. Sau đó, P để lại chai thủy tinh bên trong còn D1 dịch axít tại hiện trường và bỏ trốn, đến ngày 15/6/2021, P bị bắt theo Lệnh truy nã.

Đối với ông T1, chị T2 được đưa đến bệnh viện C tỉnh Thái Nguyên cấp cứu, sau đó được chuyển về Viện Bỏng quốc gia điều trị, đến ngày 04/7/2014 chị T2 ra viện, ngày 14/7/2014 ông T1 ra viện. Sau khi được ra viện ông T1 tiếp tục nhiều lần đi điều trị bỏng tại nhiều cơ sở y tế.

Ngày 13/6/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) Sông Công trung cầu giám định với các vật chứng thu giữ tại hiện trường vụ án. Tại Kết luận giám định số 1833 ngày 04/7/2014 của Viện Khoa học hình sự, Tổng cục Cảnh sát phòng chống tội phạm kết luận: Chiếc áo lao động màu xanh bị biến dạng, chiếc áo phong nữ màu xanh bị rách, chiếc quần nỉ màu đen và chiếc áo mưa bằng vải bạt màu vàng gửi đến giám định đều có tìm thấy dấu vết a xít sun furic (H_2SO_4). D1 dịch trong chai thủy tinh loại 650ml thu giữ tại hiện trường vụ án gửi giám định là a xít sun furic (H_2SO_4) nồng độ 92% thể tích 180ml. A xít sun furic nồng độ 92% là một a xít có tính ô xi hóa rất mạnh, khi tiếp xúc với cơ thể người có thể gây bỏng, cháy da thịt, co kéo da, ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến thẩm mỹ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 243 ngày 27/10/2014 của Trung tâm Pháp y Sở y tế tỉnh Thái Nguyên đối với ông Trần Văn T1, kết

luyện: Bỏng acid 6% độ IIIIns mặt, cổ, lưng, tay trái, chân phải, bỏng kết giác mạc mắt trái; 3% hoại tử thân chi đã điều trị để lại sẹo bỏng: sẹo vùng mặt trái đường kính dưới 5cm, màu nâu nhạt lồi, mặt biến dạng ít có ảnh hưởng rõ đến thẩm mỹ, sẹo vùng cổ màu nâu lồi phì đại, hạn chế vận động cổ mức độ nhẹ hạn chế ngửa và quay cổ; sẹo vùng lưng, tay trái, chân phải lồi phì đại chiếm diện tích = 6%. Mắt trái bỏng kết giác mạc độ 4 bỏng da mi độ III đã điều trị hiện tại da mi sẹo hóa biến dạng nặng nề, nhắm mắt kín. Nhãn cầu: Giác mạc sẹo hóa toàn bộ không quan sát rõ được chi tiết nội nhãn, thị lực: ST (+). Tổn thương cảm giác mặt trái thuộc dây VII trái. Tổn thương không hoàn toàn đám rối thần kinh cổ, tổn thương cảm giác tại các vị trí sẹo vùng cánh tay hai bên. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 63%, áp dụng theo phương pháp cộng lùi.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 179/14/GĐPY ngày 11/8/2014 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện A tỉnh Thái Nguyên đối với chị Dương Thị T2, kết luận: Sẹo vùng mặt kích thước > 10cm cp kéo biến dạng ảnh hưởng đến thẩm mỹ. Sẹo phần mềm do bỏng. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là 37%.

Về vật chứng của vụ án: 01 chai thủy tinh loại 650ml, bên trong có chứa 180ml D1 dịch axit sun furíc; 01 áo mưa bằng vải bạt màu vàng có bám dính vật chất; 04 chiếc cúc áo bị biến dạng; 02 miếng vải màu xanh đã bị biến dạng; 01 áo lao động màu xanh, 01 áo phong nữ màu xanh, quần vải màu đen đều bị rách thủng nhiều chỗ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Dương Thị T2 yêu cầu bị cáo P bồi thường thiệt hại về sức khỏe tổng số tiền là 23.404.000 đồng, bị cáo P đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị T2.

Đối với bị hại Trần Văn T1, theo đơn đề nghị ngày 26/7/2021, ông T1 yêu cầu bị cáo P bồi thường thiệt hại về sức khỏe tổng số tiền là 1.072.000.000 đồng, gồm: Tiền viện phí: 147.000.000 đồng; tiền tổn thất kinh tế vì không đi làm được: 180 ngày x 1.000.000 đồng/ 01 ngày = 180.000.000 đồng; tiền công người chăm sóc trong thời gian đi viện: 180 ngày x 250.000 đồng/ 01 ngày = 45.000.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần: 700.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông T1 bổ sung yêu cầu bị cáo P phải bồi thường thêm các khoản: gồm 07 lần đi khám lại tại Khoa mắt Bệnh viện 103 Hà Nội, mỗi lần 1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng, 05 lần xin giấy chuyển viện mỗi lần 500.000 đồng = 2.500.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 63/2021/HS-ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử, quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Xuân P phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng: Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017; Điểm b, d khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân P 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 6 năm 2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các Điều 584, 585, 586, 590; Điều 357; 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Lê Xuân P phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho người bị hại Trần Văn T1 tổng số tiền 239.714.391đ (hai trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, ba trăm chín mươi một đồng).

Công nhận thỏa thuận: Bị cáo Lê Xuân P phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho người bị hại Dương Thị T2 số tiền 23.404.000 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2021 bị cáo Lê Xuân P kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt. Ngày 08/10/2021 bị hại Trần Văn T1 kháng cáo với nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo, bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Phân kết luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại về phần hình phạt. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 63/2021/HSST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên theo hướng tăng bồi thường cho bị hại về khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần từ 40 đến 50 tháng lương cơ sở, chấp nhận khoản tiền chi phí giám định là 1.487.000đồng cho bị hại và 07 ngày công của người chăm sóc người bị hại đưa người bị hại đi khám lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Xuân P, của bị hại Trần Văn T1 làm trong hạn luật định là hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã mô tả. Xét lời khai nhận của bị cáo tại các phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, bệnh án, kết luận giám định thương tích của người bị hại, vật chứng và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 12 giờ ngày 12/6/2014, tại nhà bà Tạ Thị D1 ở xóm LD, xã TQ, thị xã (nay là thành phố) SC, bị cáo Lê Xuân P đã dùng chai thủy tinh chứa A - xít Sunfuric nồng độ 92% hắt vào vùng mặt, người, gây thương tích và làm biến dạng vùng mặt ông Trần Văn T1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 63% và bà Dương Thị T2 với tỷ lệ tổn thương cơ thể của là 37%. Thời

điểm thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, có mức hình phạt từ 05 đến 15 năm tù. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử, tại khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định mức hình phạt từ 07 đến 14 năm tù. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017, áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử bị cáo Lê Xuân P về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm b, d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo và kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của bị hại Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự xã hội. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đánh giá tính chất vụ án, xem xét nhân thân của bị cáo, quyết định mức hình phạt 09 năm tù là phù hợp, tại phiên tòa hôm nay không phát sinh tình tiết nào khác để xem xét giảm nhẹ hình phạt của bị cáo cũng như kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của người bị hại.

[4]. Xét kháng cáo tăng bồi thường của bị hại Trần Văn T1: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Khoản tiền chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe của người bị thiệt hại: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận các khoản chi phí theo hóa đơn chứng từ do ông T1 nộp số tiền 119.079.391 đồng là có căn cứ;

- Khoản tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đi cấp cứu tại cơ sở y tế gồm 4 lần đi về tại các bệnh viện Hà Nội, 02 lần đi về tại bệnh viện C Thái Nguyên, 07 lần đi khám lại tại Khoa mắt Viện 103 (Hà Nội) với tổng số tiền 13.200.000 đồng, mặc dù không có hóa đơn chứng từ nhưng đó là chi phí thực tế, cấp sơ thẩm đã chấp nhận là phù hợp. Còn khoản tiền chi phí 05 lần xin giấy chuyển viện đó là thủ tục hành chính của bệnh viện, cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ;

- Về thời gian điều trị tại các bệnh viện và khoản tiền thu nhập thực tế bị mất của người bị hại: Cấp sơ thẩm chấp nhận thời gian điều trị tại các bệnh viện của ông T1 là 154 ngày là có căn cứ; ông T1 khai trước khi bị thương tích ông làm san lấp mặt bằng và cai xây dựng, thu nhập là 1.000.000đ/1 ngày, tuy nhiên ông không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, do đó cấp sơ thẩm chấp nhận tiền thu nhập bị mất của người bị hại là 250.000đ/1 ngày x 154 ngày = 38.500.000 đồng là có căn cứ;

- Về chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị: Tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 khai 59 ngày điều trị tại nhà chữa bỏng gia truyền không có người chăm sóc. Còn 07 ngày đi khám lại tại khoa mắt bệnh viện 103 có người nhà đi chăm sóc, nên chấp nhận thêm 07 ngày này cho người chăm sóc ông T1. Buộc bị cáo phải bồi thường: 88 ngày + 07 ngày = 95 ngày x 250.000đồng/ 1 ngày = 23.750.000 đồng;

- Về khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm cho người bị hại, cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường tương ứng 31,5 tháng lương cơ sở là thấp. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 45 tháng lương cơ sở, cụ thể: 45 tháng x 1.490.000đồng/ 01 tháng = 67.050.000đồng;

- Đối với khoản tiền chi phí giám định 02 lần là 1.487.000đồng. Theo quy định của Luật giám định tư pháp thì việc chi phí giám định tư pháp do cơ quan trưng cầu giám định chi trả, tuy nhiên thực tế gia đình bị hại đã chi trả khoản tiền này nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo bồi thường 1.487.000đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Trần Văn T1 đề nghị tăng bồi thường. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại tổng số tiền: 263.066.391đồng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, phúc thẩm và án phí dân sự. Bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; kháng cáo của người bị hại về yêu cầu tăng hình phạt, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm. Sửa phần bồi thường dân sự của bản án sơ thẩm số 63/2021/HSST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

1. Áp dụng: Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017; Điểm b, d khoản 4 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân P 09 (chín) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 6 năm 2021.

Căn cứ vào Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các Điều 584, 585, 586, 590; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Lê Xuân P phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho người bị hại Trần Văn T1 tổng số tiền 263.066.391 đồng (*hai trăm sáu mươi ba triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi một đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm, phúc thẩm và án phí dân sự cho bị cáo Lê Xuân P; bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN, Sở TP;
- VKSND thành phố Sông Công;
- TAND thành phố Sông Công;
- THADS thành phố Sông Công;
- CA thành phố Sông Công;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Nhài